PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 06/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 309 + 310)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Ô Giang	TV	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a
thôn Phú Kinh	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng	16° 41' 16"	107° 20' 01"					E-48-83-D-a
thôn Phú Kinh Phường	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng	16° 39' 29"	108° 18' 55"					E-48-83-D-c
hói Tiền Giang	TV	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng			16° 41' 39"	107° 17' 31"	16° 40' 29"	107° 18' 59"	E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Hòa	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thâm Khê	DC	xã Hải Khê	H. Hải Lăng	16° 44' 44"	107° 22' 46"					E-48-83-D-b
khe Trung An	TV	xã Hải Khê	H. Hải Lăng			16° 44' 40"	107° 19' 25"	16° 46' 01"	107° 20' 53"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Trung An	DC	xã Hải Khê	H. Hải Lăng	16° 45' 25"	107° 21' 40"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-C
hồ Cầu Mưng	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 39' 53"	107° 13' 00"					E-48-83-C
Hồ Choại	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 19"	107° 12' 11"					E-48-83-C
Khe Khế	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 40' 58"	107° 11' 16"	16° 41' 54"	107° 13' 51"	E-48-83-C
hồ Khe Khế	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 52"	107° 11' 22"					E-48-83-C
hồ Khe Rò	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 37"	107° 12' 40"					E-48-83-C
thôn Mai Đàn	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 42' 09"	107° 14' 06"					E-48-83-C
kênh N2A	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
thôn Tân Chính	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 21"	107° 13' 15"					E-48-83-C
thôn Tân Phước	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 49"	107° 13' 59"					E-48-83-C
hồ Thác Heo	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 39' 45"	107° 12' 38"					E-48-83-C
Đập Thanh	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 42' 16"	107° 14' 34"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thượng Nguyên	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 48"	107° 13' 17"					E-48-83-C
Nhà máy Tinh bột Sắn	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 41' 54"	107° 13' 15"					E-48-83-C
Khe Trái	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 36' 28"	107° 06' 56"	16° 40' 20"	107° 07' 00"	E-48-83-C
thôn Trường Phước	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 41' 17"	107° 14' 03"					E-48-83-C
thôn Xuân Lâm	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 41' 30"	107° 14' 02"					E-48-83-C
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C
hồ Choi Pheo	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 09"	107° 11' 05"					E-48-83-C
hồ Choi Yên	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 46"	107° 11' 22"					E-48-83-C
Khe Khế	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			16° 40' 58"	107° 11' 16"	16° 41' 54"	107° 13' 51"	E-48-83-C
xóm Khe Khế	DC	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 41' 19"	107° 11' 31"					E-48-83-C
hồ Khe Khế	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 40' 52"	107° 11' 22"					E-48-83-C
Nhà thờ La Vang	KX	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 29"	107° 11' 36"					E-48-83-C
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Triệu Hải	KX	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 38' 51"	107° 08' 45"					E-48-83-C
thôn Long Hưng	DC	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 44' 09"	107° 11' 29"					E-48-83-C
kênh N2A	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Nhùng	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
thôn Phú Hưng	DC	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 58"	107° 11' 54"					E-48-83-C
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 582	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Đơn Quế	DC	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 46"	107° 18' 35"					E-48-83-D-a
thôn Hội Yên	DC	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 51"	107° 18' 23"					E-48-83-D-a
cầu Hội Yên 1	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 43' 55"	107° 17' 24"					E-48-83-D-a
cầu Hội Yên 2	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 06"	107° 17' 37"					E-48-83-D-a
thôn Kim Long	DC	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 24"	107° 19' 10"					E-48-83-D-a
kênh N6	TV	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 42' 48"	107° 20' 59"	E-48-83-D-a
khe Trung An	TV	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 44' 40"	107° 19' 25"	16° 46' 01"	107° 20' 53"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d
kênh N4	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-A-d E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-d
Sông Nhùng	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-A-d E-48-83-C
thôn Quy Thiện	DC	xã Hải Quy	H. Hải Lăng	16° 45' 44"	107° 12' 28"					E-48-83-A-d
thôn Trâm Lý	DC	xã Hải Quy	H. Hải Lăng	16° 45' 14"	107° 12' 51"					E-48-83-A-d
thôn Văn Vận	DC	xã Hải Quy	H. Hải Lăng	16° 45' 38"	107° 13' 30"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-D-a
thôn Hà Lộc	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 39' 06"	107° 18' 23"					E-48-83-D-a
thôn Khe Mương	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 36' 43"	107° 15' 42"					E-48-83-D-c
hồ Khe Mương	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 37' 05"	107° 15' 29"					E-48-83-C E-48-83-D-c
thôn Lương Điền	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 35"	107° 18' 12"					E-48-83-D-a
thôn Lương Hải	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 10"	107° 18' 05"					E-48-83-D-a
hồ Miếu Bà	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 03"	107° 17' 06"					E-48-83-D-a
cầu Mỹ Chánh	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 00"	107° 18' 03"					E-48-83-D-a
thôn Như Sơn	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 36"	107° 17' 16"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Ô Giang	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
thôn Tân Điền	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 37' 27"	107° 17' 06"					E-48-83-D-c
thôn Tân Lý	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 36' 40"	107° 16' 08"					E-48-83-D-c
hồ Tân Sơn	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 37' 24"	107° 16' 43"					E-48-83-D-c
sông Thác Ma	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			16° 34' 54"	107° 13' 49"	16° 38' 30"	107° 18' 17"	E-48-83-D-a E-48-83-D-c
thôn Trầm Sơn	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 36' 50"	107° 16' 22"					E-48-83-D-c
quốc lộ 49B	KX	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 37' 56"	107° 18' 09"	16° 39' 27"	107° 19' 20"	E-48-83-D-a
thôn Câu Nhi	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 39' 25"	107° 18' 55"					E-48-83-D-a
Cầu Eo	KX	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 39' 18"	107° 19' 15"					E-48-83-D-a
suối Long Hội	TV	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 38' 37"	107° 19' 58"	16° 39' 20"	107° 19' 24"	E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a
thôn Tân Hà	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 39' 25"	107° 18' 24"					E-48-83-D-a
thôn Văn Quỹ	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 40' 04"	107° 19' 20"					E-48-83-D-a
thôn Văn Trị	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 40' 36"	107° 18' 05"					E-48-83-D-a
thôn Kim Sanh	DC	xã Hải Thành	H. Hải Lăng	16° 42' 53"	107° 18' 13"					E-48-83-D-a
kênh Mai Lĩnh	TV	xã Hải Thành	H. Hải Lăng			16° 41' 54"	107° 17' 38"	16° 42' 10"	107° 19' 25"	E-48-83-D-a
kênh N4	TV	xã Hải Thành	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phước Điền	DC	xã Hải Thành	H. Hải Lăng	16° 42' 37"	107° 18' 51"					E-48-83-D-a
thôn Trung Đơn	DC	xã Hải Thành	H. Hải Lăng	16° 42' 52"	107° 17' 46"					E-48-83-D-a
thôn 1	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 42' 48"	107° 15' 46"					E-48-83-D-a
thôn 2	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 01"	107° 16' 15"					E-48-83-D-a
thôn 3	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 11"	107° 16' 38"					E-48-83-D-a
thôn 4	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 22"	107° 16' 52"					E-48-83-D-a
thôn 5	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 51"	107° 16' 53"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 582	KX	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-D-a
chùa Đông Lâm	KX	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 30"	107° 16' 44"					E-48-83-D-a
cầu Hội Yên 1	KX	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 55"	107° 17' 24"					E-48-83-D-a
kênh N4	TV	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-D-a
Hồ Trén	TV	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 18"	107° 15' 16"					E-48-83-C E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng			16° 44' 02"	107° 17' 20"	16° 44' 21"	107° 16' 59"	E-48-83-D-a
thôn 1	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 33"	107° 15' 45"					E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a
thôn 2	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 11"	107° 15' 52"					E-48-83-D-a
thôn 3	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 41' 53"	107° 15' 52"					E-48-83-D-a
thôn 4	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 41' 41"	107° 15' 53"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 582	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-D-a
thôn Công Thương Nghiệp	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 23"	107° 15' 50"					E-48-83-D-a
chợ Diên Sanh	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 39"	107° 15' 41"					E-48-83-D-a
xóm Diên Trường	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 41' 34"	107° 17' 21"					E-48-83-D-a
kênh N2A	TV	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
xóm Tân Diên	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 40' 49"	107° 15' 03"					E-48-83-C E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-C
thôn Đại An Khê	DC	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 44' 22"	107° 12' 42"					E-48-83-C
Khe Khế	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 40' 58"	107° 11' 16"	16° 41' 54"	107° 13' 51"	E-48-83-C
hồ Miệu Duệ	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 41' 54"	107° 12' 43"					E-48-83-C
kênh N2A	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
Bàu Sú	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 44' 07"	107° 14' 08"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thượng Xá	DC	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 42' 51"	107° 13' 35"					E-48-83-C
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-D-a
cầu Bến Đá	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 44"	107° 16' 32"					E-48-83-D-a
Thôn Đông	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 44"	107° 17' 52"					E-48-83-D-a
thôn Hậu Trường	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 54"	107° 16' 16"					E-48-83-D-a
Thôn Mỵ	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 57"	107° 16' 36"					E-48-83-D-a
kênh N2A	TV	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 39' 45"	107° 15' 42"	E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
sông Ô Khê	TV	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 38' 59"	107° 15' 01"	16° 40' 04"	107° 17' 53"	E-48-83-C E-48-83-D-a
thôn Tân Trường	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 12"	107° 17' 28"					E-48-83-D-a
Thôn Trung	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 40"	107° 16' 38"					E-48-83-D-a
chùa Trường Sanh	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 39"	107° 16' 26"					E-48-83-D-a
thôn Trường Thọ	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 02"	107° 15' 37"					E-48-83-D-a
thôn Trường Xuân	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 25"	107° 16' 02"					E-48-83-D-a
thôn Lam Thủy	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 45' 22"	107° 15' 43"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Lương Chánh	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 18"	107° 16' 36"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh N4	TV	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-D-a
thôn Thi Ông	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 57"	107° 16' 23"					E-48-83-D-a
thôn Thuận Đức	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 43' 48"	107° 15' 24"					E-48-83-D-a
thôn Thuận Nhơn	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 45' 02"	107° 16' 10"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Thượng An	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 22"	107° 16' 54"					E-48-83-D-a
trằm Trà Lộc	TV	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 21"	107° 15' 09"					E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d; E-48-83-D-a
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Duân Kinh	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 40"	107° 15' 03"					E-48-83-D-a
thôn La Duy	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 52"	107° 15' 04"					E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
kênh N4	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-C
thôn Phú Xuân A	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 47"	107° 13' 56"					E-48-83-A-d
thôn Phú Xuân B	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 13' 00"	107° 16' 47"					E-48-95-D
Bàu Sú	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 44' 07"	107° 14' 08"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Trà Lộc	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 46"	107° 14' 43"					E-48-83-A-d
trằm Trà Lộc	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 44' 32"	107° 15' 02"					E-48-83-C
thôn Trà Trì	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 21"	107° 14' 05"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
khối 1	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 38' 46"	106° 43' 35"					E-48-82-C
khối 2	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 50"	106° 44' 02"					E-48-82-C
khối 3A	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 44"	106° 44' 24"					E-48-82-C
khối 3B	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 27"	106° 43' 52"					E-48-82-C
khối 4	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 22"	106° 43' 17"					E-48-82-C
khối 5	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 15"	106° 43' 54"					E-48-82-C
khối 6	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 36' 54"	106° 43' 52"					E-48-82-C
khối 7	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 38' 52"	106° 42' 36"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
đồi 500	SV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
Nhà máy Chế biến Cà phê	KX	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 04"	106° 43' 32"					E-48-82-C
chợ Khe Sanh	KX	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 45"	106° 44' 25"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Khe Sanh	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 38' 32"	106° 43' 37"					E-48-82-C
suối La La	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
suối Sa Ranh	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa			16° 38' 37"	106° 42' 23"	16° 37' 33"	106° 43' 15"	E-48-82-C
hồ Tân Độ	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hóa	16° 37' 25"	106° 43' 29"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
suối A Chùm	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa			16° 40' 04"	106° 36' 23"	16° 36' 30"	106° 36' 36"	E-48-82-C
cầu A Trùm	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 39"	106° 36' 30"					E-48-82-C
khóm An Hà	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 46"	106° 35' 47"					E-48-82-C
suối Ca Mếch	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa			16° 38' 37"	106° 35' 27"	16° 37' 41"	106° 35' 04"	E-48-82-C
bản Ca Tăng	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 37"	106° 35' 42"					E-48-82-C
suối Ca Tăng	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa			16° 39' 00"	106° 36' 35"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
bản Ca Túp	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 19"	106° 35' 13"					E-48-82-C
khóm Cao Việt	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 54"	106° 35' 26"					E-48-82-C
khóm Đông Chín	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 51"	106° 36' 19"					E-48-82-C
khóm Duy Tân	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 47"	106° 35' 08"					E-48-82-C
bản Khe Đá	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 43"	106° 35' 15"					E-48-82-C
Cửa khẩu Lao Bảo	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 36"	106° 35' 21"					E-48-82-C
Đồn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 28"	106° 35' 47"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Nhà tù Lao Bảo	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 43"	106° 35' 10"					E-48-82-C
hồ Lao Bảo	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 58"	106° 35' 56"					E-48-82-C
suối Pa Lát	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa			16° 40' 17"	106° 34' 43"	16° 37' 49"	106° 34' 51"	E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng R2	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 08"	106° 35' 24"					E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
khóm Tân Kim	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 32"	106° 35' 37"					E-48-82-C
khóm Tây Chín	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 23"	106° 35' 42"					E-48-82-C
khóm Trung Chín	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 37' 06"	106° 36' 07"					E-48-82-C
khu phố Vinh Hoa	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 37"	106° 36' 21"					E-48-82-C
khóm Xuân Phước	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hóa	16° 36' 37"	106° 35' 55"					E-48-82-C
đường tỉnh 586	KX	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-A; E-48-94-B
thôn A Dơi Cô	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 29"	106° 44' 42"					E-48-94-A
thôn A Dơi Đớ	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 32"	106° 45' 38"					E-48-94-B
suối A Giơi	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 28' 14"	106° 46' 18"	16° 27' 36"	106° 46' 25"	E-48-94-B
núi Co Van	SV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 27' 02"	106° 44' 53"					E-48-94-A
Đội công tác địa bàn Đồn biên phòng 619	KX	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 37"	106° 44' 31"					E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hợp Thành	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 44"	106° 44' 00"					E-48-94-A
suối Klong	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 29' 56"	106° 48' 17"	16° 28' 14"	106° 46' 18"	E-48-94-B
thôn Pa Rin	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 29' 04"	106° 44' 01"					E-48-94-A
thôn Pa Rói	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 25"	106° 44' 57"					E-48-94-A
thôn Phong Hải	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 27' 21"	106° 45' 28"					E-48-94-B
thôn Prăng Xy	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 50"	106° 44' 34"					E-48-94-A
suối Ra Lau	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 30' 23"	106° 45' 15"	16° 28' 14"	106° 46' 18"	E-48-82-D; E-48-94-A; E-48-94-B
suối Ra Loang	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 30' 49"	106° 44' 31"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-82-C E-48-94-A
suối Ra Poang	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 27' 32"	106° 44' 40"	16° 28' 07"	106° 43' 12"	E-48-94-A
sông Sê Pôn	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-94-B
Suối Sua	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hóa			16° 30' 15"	106° 44' 47"	16° 28' 30"	106° 43' 29"	E-48-82-C E-48-94-A
thôn Tân Hải	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 28' 02"	106° 45' 00"					E-48-94-B
thôn Trung Phước	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 27' 50"	106° 45' 12"					E-48-94-B
thôn Xà Doan Mới	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hóa	16° 29' 38"	106° 43' 55"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã A Túc	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn A Sau	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 35"	106° 43' 32"					E-48-94-A
thôn A Sói	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 42"	106° 42' 37"					E-48-94-A
Đồn biên phòng A Túc	KX	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 07"	106° 42' 32"					E-48-94-A
thôn Ba Linh	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 28"	106° 43' 22"					E-48-94-A
suối Ca Đắp	TV	xã A Túc	H. Hướng Hóa			16° 29' 55"	106° 43' 20"	16° 29' 34"	106° 42' 23"	E-48-94-A
núi Co Van	SV	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 27' 02"	106° 44' 53"					E-48-94-A
Thôn Húc	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 27' 57"	106° 43' 24"					E-48-94-A
thôn Kỳ Nơi	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 32"	106° 43' 20"					E-48-94-A
Thôn Lìa	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 27' 58"	106° 43' 04"					E-48-94-A
Hồ Lìa	TV	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 06"	106° 42' 44"					E-48-94-A
thôn Pa Lu	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 09"	106° 43' 27"					E-48-94-A
thôn Ra Hàng	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 23"	106° 42' 36"					E-48-94-A
suối Ra Loang	TV	xã A Túc	H. Hướng Hóa			16° 30' 49"	106° 44' 31"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-94-A
suối Ra Poang	TV	xã A Túc	H. Hướng Hóa			16° 27' 32"	106° 44' 40"	16° 28' 07"	106° 43' 12"	E-48-94-A
Suối Sua	TV	xã A Túc	H. Hướng Hóa			16° 30' 15"	106° 44' 47"	16° 28' 30"	106° 43' 29"	E-48-94-A
thôn Tăng Cô	DC	xã A Túc	H. Hướng Hóa	16° 28' 14"	106° 42' 54"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã A Xing	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-A
thôn A Cha	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 28' 15"	106° 42' 23"					E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn A Máy	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 29' 05"	106° 41' 48"					E-48-94-A
thôn A Mô	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 28' 45"	106° 41' 28"					E-48-94-A
thôn A Tong	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 29' 10"	106° 41' 26"					E-48-94-A
suối Ca Đắp	TV	xã A Xing	H. Hướng Hóa			16° 31' 44"	106° 43' 06"	16° 27' 57"	106° 40' 20"	E-48-82-C E-48-94-A
thôn Cu Rong	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 29' 16"	106° 41' 34"					E-48-94-A
thôn Ki Ri	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 29' 35"	106° 42' 16"					E-48-94-A
suối Krông	TV	xã A Xing	H. Hướng Hóa			16° 31' 24"	106° 41' 46"	16° 29' 18"	106° 41' 48"	E-48-82-C E-48-94-A
suối Ra Loang	TV	xã A Xing	H. Hướng Hóa			16° 30' 49"	106° 44' 31"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-94-A
khe Ra Nưa	TV	xã A Xing	H. Hướng Hóa			16° 31' 17"	106° 43' 36"	16° 30' 12"	106° 42' 22"	E-48-82-C
thôn Tăng Quan	DC	xã A Xing	H. Hướng Hóa	16° 29' 14"	106° 42' 06"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-B
bản Ba Cựp 2	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 31' 34"	106° 47' 49"					E-48-82-D
thôn Ba Lòng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 31' 36"	106° 48' 48"					E-48-82-D
thôn Ba Tầng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 32' 00"	106° 48' 38"					E-48-82-D
Đồn biên phòng Ba Tầng	KX	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 11"	106° 46' 12"					E-48-94-B
bản Cu Tiêng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 32' 34"	106° 48' 24"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Động Em	SV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 33' 40"	106° 46' 05"					E-48-82-D
Thôn Hùn	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 31' 15"	106° 46' 32"					E-48-82-D
suối Klong	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa			16° 29' 56"	106° 48' 17"	16° 28' 14"	106° 46' 18"	E-48-94-B
núi Ko Plang	SV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 27' 53"	106° 48' 00"					E-48-94-B
Bản Loa	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 31' 24"	106° 48' 47"					E-48-82-D
thôn Măng Sông	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 32' 37"	106° 47' 36"					E-48-82-D
bản Pa Lọ	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 28' 54"	106° 46' 35"					E-48-94-B
suối Pa Lọ	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa			16° 46' 42"	106° 32' 36"	16° 31' 35"	106° 46' 24"	E-48-82-D
suối Pa Long	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa			16° 33' 14"	106° 48' 11"	16° 29' 56"	106° 48' 17"	E-48-82-D
thôn Pa Lu	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 06"	106° 46' 10"					E-48-94-B
bản Pa Roọc	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 40"	106° 46' 37"					E-48-94-B
suối Pa Roọc	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa			16° 31' 57"	106° 45' 34"	16° 29' 33"	106° 46' 50"	E-48-82-D E-48-94-B
bản Ra Tri	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 38"	106° 47' 41"					E-48-94-B
thôn Sa Heng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 28"	106° 46' 42"					E-48-94-B
suối Sa Heng	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa			16° 30' 00"	106° 46' 45"	16° 28' 59"	106° 46' 34"	E-48-82-D E-48-94-B
thôn Sa Rô	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 32' 02"	106° 47' 00"					E-48-82-D
thôn Sa Tuông	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 15"	106° 46' 16"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Trùm	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 29' 35"	106° 47' 06"					E-48-94-B
Thôn Vầng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hóa	16° 32' 17"	106° 47' 14"					E-48-82-D
đồi 500	SV	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
Bản Âm	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 36' 01"	106° 47' 12"					E-48-82-D
thôn Cu Dong	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 35' 00"	106° 47' 39"					E-48-82-D
suối Cu Dong	TV	xã Húc	H. Hướng Hóa			16° 34' 12"	106° 47' 17"	16° 38' 27"	106° 47' 27"	E-48-82-D
núi Động Em	SV	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 33' 40"	106° 46' 05"					E-48-82-D
Suối Giai	TV	xã Húc	H. Hướng Hóa			16° 34' 44"	106° 44' 40"	16° 32' 32"	106° 38' 48"	E-48-82-C
núi Giang Tuấn	SV	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 36' 40"	106° 28' 32"					E-48-82-D
thôn Ha Le	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 35' 02"	106° 45' 18"					E-48-82-D
thôn Húc Thượng	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 35' 00"	106° 45' 52"					E-48-82-D
thôn Húc Ván	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 36' 58"	106° 44' 32"					E-48-82-C
bản La Heng	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 33' 59"	106° 47' 30"					E-48-82-D
suối La La	TV	xã Húc	H. Hướng Hóa			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C; E-48-82-D
thôn Ta Cu	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 34' 38"	106° 48' 36"					E-48-82-D
suối Tà Cu	TV	xã Húc	H. Hướng Hóa			16° 34' 29"	106° 48' 47"	16° 34' 21"	106° 47' 39"	E-48-82-D
thôn Ta Núc	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 36' 01"	106° 45' 36"					E-48-82-D
thôn Tà Ri 1	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 36' 08"	106° 44' 57"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Tà Ri 2	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 35' 16"	106° 45' 15"					E-48-82-D
thôn Tà Rùng	DC	xã Húc	H. Hướng Hóa	16° 35' 13"	106° 47' 21"					E-48-82-D
Đồn biên phòng 605 Cù Bai	KX	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 14"	106° 34' 06"					E-48-82-A
thôn A Xóc	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 14"	106° 34' 03"					E-48-82-A
dông Brai	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 52' 46"	106° 33' 20"					E-48-82-A
huổi Ca Pai	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 59' 22"	106° 33' 31"	16° 58' 58"	106° 32' 53"	E-48-82-A
suối Cha Lơ	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 55' 56"	106° 35' 55"	16° 54' 41"	106° 34' 44"	E-48-82-A
thôn Chà Lỳ	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 56"	106° 34' 13"					E-48-82-A
suối Chà Lỳ	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 58' 47"	106° 34' 41"	16° 53' 53"	106° 34' 27"	E-48-82-A
núi Co Chiêng	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 04"	106° 41' 24"					E-48-82-A
thôn Cù Bai	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 38"	106° 31' 19"					E-48-82-A
Trạm kiểm soát Biên phòng Cù Bai	KX	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 40"	106° 31' 24"					E-48-82-A
suối Cù Bai	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 55' 36"	106° 31' 29"	16° 53' 14"	106° 31' 45"	E-48-82-A
Khe Cuồi	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 55' 19"	106° 38' 18"	16° 54' 29"	106° 38' 28"	E-48-82-A
núi Đông Vàng Vàng	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 56' 25"	106° 36' 19"					E-48-82-A
núi Đôông Châu	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 56' 32"	106° 42' 02"					E-48-82-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 53' 07"	106° 34' 04"	16° 45' 40"	106° 33' 48"	E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Khe Cuội	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 54' 29"	106° 38' 42"					E-48-82-A
bản Koóc Loòng	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 54"	106° 36' 02"					E-48-82-A
suối Pơ Rền	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 55' 36"	106° 32' 18"	16° 55' 36"	106° 31' 29"	E-48-82-A
bản Sa Nông	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 54' 11"	106° 37' 36"					E-48-82-A
sông Sê Băng Hiêng	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 56' 41"	106° 41' 01"	16° 53' 12"	106° 31' 37"	E-48-82-A
bản Sê Pu	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 54' 11"	106° 33' 14"					E-48-82-A
suối Sê Pu	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 55' 17"	106° 32' 39"	16° 53' 36"	106° 32' 58"	E-48-82-A
suối Sê Pu 1	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 55' 33"	106° 33' 39"	16° 54' 02"	106° 33' 15"	E-48-82-A
Suối Suốt	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 56' 08"	106° 39' 10"	16° 54' 54"	106° 39' 18"	E-48-82-A
bản Tà Đăng	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 54' 37"	106° 30' 56"					E-48-82-A
Suối Tát	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 56' 06"	106° 36' 31"	16° 53' 56"	106° 36' 56"	E-48-82-A
Suối Trăng	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 50' 01"	106° 37' 02"	16° 53' 06"	106° 34' 06"	E-48-82-A
Thôn Tri	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa	16° 53' 25"	106° 35' 38"					E-48-82-A
Khe Tri	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hóa			16° 53' 01"	106° 38' 06"	16° 54' 12"	106° 37' 46"	E-48-82-A
xóm Ba Nhà	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 41' 49"	106° 42' 24"					E-48-82-C
núi Ca Râng	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 40' 42"	106° 41' 07"					E-48-82-C
Thôn Có	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 28"	106° 46' 31"					E-48-82-D
núi Động Tri	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 41' 16"	106° 44' 00"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Hoong	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 25"	106° 45' 37"					E-48-82-D
Thôn Miệt	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 38"	106° 46' 03"					E-48-82-C
thôn Miệt Cũ	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 41' 33"	106° 39' 22"					E-48-82-C
Thôn Mới	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 28"	106° 45' 00"					E-48-82-C
Khe Nghi	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa			16° 41' 58"	106° 44' 47"	16° 39' 22"	106° 47' 45"	E-48-82-C; E-48-82-D
thôn Pa Công	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 47"	106° 46' 34"					E-48-82-C
núi Pa Thiên	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 45' 54"	106° 42' 15"					E-48-82-A
sông Rào Quán	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 24"	106° 47' 59"	E-48-82-C
thôn Sa Bai	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 13"	106° 43' 56"					E-48-82-C
khe Sa No	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa			16° 44' 45"	106° 42' 14"	16° 42' 25"	106° 41' 06"	E-48-82-C
suối Sa Nôn	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa			16° 43' 37"	106° 39' 02"	16° 42' 40"	106° 41' 01"	E-48-82-C
khe Sa Rông/Sa Rét	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa			16° 45' 49"	106° 42' 31"	16° 41' 49"	106° 41' 47"	E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hóa	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
đồi 500	SV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
suối Ca Đắp	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 31' 44"	106° 43' 06"	16° 27' 57"	106° 40' 20"	E-48-82-C
thôn Cu Dừn	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 34' 49"	106° 40' 59"					E-48-82-C
thôn Cu Ty	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 31' 59"	106° 41' 24"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Thôn Của	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 31' 12"	106° 42' 35"					E-48-82-C
Suối Giai	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 34' 44"	106° 44' 40"	16° 32' 32"	106° 38' 48"	E-48-82-C
suối Krông	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 31' 24"	106° 41' 46"	16° 29' 18"	106° 41' 48"	E-48-82-C
thôn Pa Ca	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 34' 20"	106° 41' 44"					E-48-82-C
suối Pa Lăng	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 34' 22"	106° 42' 14"	16° 35' 22"	106° 40' 05"	E-48-82-C
suối Pa Noang	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 31' 58"	106° 42' 13"	16° 32' 53"	106° 42' 03"	E-48-82-C
thôn Pa Sía	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 32' 42"	106° 42' 40"					E-48-82-C
suối Ra Ly	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 31' 54"	106° 41' 21"	16° 32' 31"	106° 39' 51"	E-48-82-C
khe Ra Nưa	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 31' 17"	106° 43' 36"	16° 30' 12"	106° 42' 22"	E-48-82-C
thôn Ra Ty	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 33' 26"	106° 44' 04"					E-48-82-C
suối Sa Lèo	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 34' 29"	106° 43' 09"	16° 32' 51"	106° 42' 13"	E-48-82-C
suối Sa Liêng	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa			16° 31' 43"	106° 44' 40"	16° 33' 16"	106° 44' 03"	E-48-82-C
thôn Ta Roa	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 35' 14"	106° 41' 45"					E-48-82-C
thôn Tà Rủi	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 33' 00"	106° 43' 27"					E-48-82-C
Thôn Trằm	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hóa	16° 33' 29"	106° 41' 55"					E-48-82-C
Đồn biên phòng 609	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 24"	106° 34' 37"					E-48-82-C
núi A Hai	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 40' 48"	106° 36' 48"					E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng A Roong	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 45' 54"	106° 33' 51"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối A Roong	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 47' 31"	106° 35' 01"	16° 45' 34"	106° 33' 34"	E-48-82-A
thôn Bụt Việt	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 43' 51"	106° 34' 05"					E-48-82-C
huổi Ca Léng	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 46' 37"	106° 33' 47"	16° 46' 27"	106° 32' 59"	E-48-82-A
phu Ca Lọc	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 46' 04"	106° 33' 30"					E-48-82-A
thôn Chân Vân	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 46' 04"	106° 33' 52"					E-48-82-A
Thôn Cheng	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 42' 58"	106° 33' 28"					E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng Cheng	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 43' 00"	106° 33' 24"					E-48-82-C
thôn Cò Nhối	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 17"	106° 35' 47"					E-48-82-C
Thôn Cợp	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 43' 56"	106° 36' 58"					E-48-82-C
thôn Doa Cũ	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 19"	106° 34' 30"					E-48-82-C
núi Đông Chua	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 46' 49"	106° 36' 12"					E-48-82-A
núi Đông Phượng	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 21"	106° 36' 48"					E-48-82-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 53' 07"	106° 34' 04"	16° 45' 40"	106° 33' 48"	E-48-82-A
thôn Hướng Choa	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 42' 19"	106° 37' 58"					E-48-82-C
thôn Hướng Đại	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 43' 29"	106° 34' 12"					E-48-82-C
thôn Hướng Độ	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 43' 14"	106° 34' 07"					E-48-82-C
thôn Hướng Hải	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 08"	106° 34' 15"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hướng Phú	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 09"	106° 34' 15"					E-48-82-C
hồ Le Le	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 17"	106° 36' 13"					E-48-82-C
phu Lu Tu Cu	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 45' 24"	106° 33' 52"					E-48-82-A
thôn Ma Lai	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 42' 13"	106° 34' 50"					E-48-82-C
suối Pa Lát	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 40' 17"	106° 34' 43"	16° 37' 49"	106° 34' 51"	E-48-82-C
huổi Pa Lạt	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 40' 21"	106° 34' 26"	16° 38' 30"	106° 33' 55"	E-48-82-C
thôn Phùng Lâm	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 43' 33"	106° 36' 23"					E-48-82-C
suối Pờ Rông	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 42' 12"	106° 37' 37"	16° 42' 06"	106° 35' 05"	E-48-82-C
huổi Sạ Đun	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 47' 11"	106° 32' 59"	16° 46' 52"	106° 32' 59"	E-48-82-A
suối Sạ Đun	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 48' 00"	106° 36' 28"	16° 46' 52"	106° 34' 58"	E-48-82-A
suối Sa Kia	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 44' 21"	106° 34' 09"	16° 42' 34"	106° 33' 56"	E-48-82-C
núi Sá Mùi	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 48' 41"	106° 35' 21"					E-48-82-A
thôn Sa Ri	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 34"	106° 34' 48"					E-48-82-C
suối Sa Ry	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 46' 17"	106° 36' 00"	16° 45' 34"	106° 33' 34"	E-48-82-A
suối Sê Sạ Len	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 42' 34"	106° 33' 56"	16° 43' 16"	106° 33' 00"	E-48-82-A
sông Sê Sạ Mủ	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 45' 34"	106° 33' 34"	16° 45' 56"	106° 32' 59"	E-48-82-A
Sông Sen	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa			16° 41' 11"	106° 38' 23"	16° 43' 16"	106° 33' 00"	E-48-82-C
núi Ta Púc	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 41' 37"	106° 33' 17"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Tam Ve	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Pun	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 42' 23"	106° 34' 24"					E-48-82-C
hồ Tra Khi	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hóa	16° 44' 26"	106° 34' 05"					E-48-82-C
khe Bui Hò	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 47' 49"	106° 41' 15"	16° 47' 13"	106° 39' 50"	E-48-82-A
khe Ca Sau	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 48' 40"	106° 40' 51"	16° 47' 09"	106° 39' 33"	E-48-82-A
khe Ca Tầu	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 46' 56"	106° 38' 16"	16° 45' 52"	106° 39' 21"	E-48-82-A
sông Cam Lộ	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-A; E-48-82-B
Thôn Cát	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 50' 22"	106° 43' 51"					E-48-82-A
Khe Chuôi	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 47' 09"	106° 39' 33"	16° 46' 21"	106° 39' 46"	E-48-82-A
núi Co Chiêng	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 53' 04"	106° 41' 24"					E-48-82-A
núi Đông Chua	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 46' 49"	106° 36' 12"					E-48-82-A
núi Đông Phượng	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 44' 21"	106° 36' 48"					E-48-82-C
Thôn Hồ	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 47' 23"	106° 39' 28"					E-48-82-A
Khe Lếch	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 47' 10"	106° 41' 15"	16° 47' 09"	106° 39' 33"	E-48-82-A
đồi Long Gió	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 48' 44"	106° 44' 10"					E-48-82-A
núi Lư Bư	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 51' 43"	106° 43' 01"					E-48-82-A
Thôn Lúa	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 48' 59"	106° 38' 34"					E-48-82-A
thôn Nguồn Rào	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 46' 00"	106° 39' 17"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Pa Thiên	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 45' 54"	106° 42' 15"					E-48-82-A
Thôn Pin	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 45' 13"	106° 39' 47"					E-48-82-A
thôn Ra Ly	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 45' 41"	106° 38' 37"					E-48-82-A
khe Ra Ly	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 46' 15"	106° 37' 30"	16° 45' 37"	106° 39' 18"	E-48-82-A
sông Rào Quán	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 24"	106° 47' 59"	E-48-82-A; E-48-82-C
suối Sạ Đun	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 48' 00"	106° 36' 28"	16° 46' 52"	106° 34' 58"	E-48-82-A
núi Sá Mùi	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 48' 41"	106° 35' 21"					E-48-82-A
khe Sa Riêng	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 44' 50"	106° 36' 52"	16° 43' 44"	106° 40' 38"	E-48-82-C
khe Sa Te	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 46' 00"	106° 41' 22"	16° 46' 21"	106° 39' 46"	E-48-82-A
khe Ta Bàng	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 48' 48"	106° 36' 40"	16° 49' 13"	106° 39' 05"	E-48-82-A
núi Tà Bằng	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 47' 26"	106° 37' 56"					E-48-82-A
khe Ta Riếc	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 46' 46"	106° 37' 56"	16° 45' 44"	106° 39' 02"	E-48-82-A
suối Tiên Hiên	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 48' 03"	106° 43' 52"	16° 45' 02"	106° 47' 50"	E-48-82-A
Thôn Trỉa	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa	16° 51' 07"	106° 41' 51"					E-48-82-A
Khe Trỉa	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hóa			16° 49' 26"	106° 42' 48"	16° 50' 28"	106° 43' 46"	E-48-82-A
núi Ca Râng	SV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 40' 42"	106° 41' 07"					E-48-82-C
Thôn Của	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 39' 52"	106° 42' 37"					E-48-82-C
suối Khe Sanh	TV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa			16° 40' 20"	106° 39' 11"	16° 38' 37"	106° 42' 23"	E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Pa Rô	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 40' 16"	106° 44' 23"					E-48-82-C
suối Ra Leng	TV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa			16° 40' 07"	106° 41' 29"	16° 39' 31"	106° 41' 22"	E-48-82-C
sông Rào Quán	TV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 24"	106° 47' 59"	E-48-82-C
Thôn Ruộng	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 39' 31"	106° 41' 04"					E-48-82-C
thôn Sa Re	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 38' 58"	106° 41' 53"					E-48-82-C
thôn Sa Rương	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 40' 38"	106° 39' 12"					E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Linh	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 40' 41"	106° 42' 21"					E-48-82-C
thôn Tân Vĩnh	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 39' 25"	106° 42' 02"					E-48-82-C
Thôn Trằm	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hóa	16° 40' 20"	106° 42' 22"					E-48-82-C
thôn Ca Tiêng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 49' 45"	106° 33' 22"					E-48-82-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa			16° 53' 07"	106° 34' 04"	16° 45' 40"	106° 33' 48"	E-48-82-A
thôn Sạ Đưng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 49' 55"	106° 34' 09"					E-48-82-A
núi Sá Mùi	SV	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 48' 41"	106° 35' 21"					E-48-82-A
huổi Sạ Tưng	TV	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa			16° 50' 14"	106° 34' 26"	16° 50' 12"	106° 32' 58"	E-48-82-A
thôn Tà Puồng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 52' 01"	106° 34' 21"					E-48-82-A
thôn Tà Rùng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 49' 41"	106° 33' 22"					E-48-82-A
Trạm kiểm soát Biên phòng Tà Rùng	KX	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 49' 46"	106° 33' 04"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Thôn Trăng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa	16° 52' 27"	106° 34' 43"					E-48-82-A
Suối Trăng	TV	xã Hướng Việt	H. Hướng Hóa			16° 50' 01"	106° 37' 02"	16° 53' 06"	106° 34' 06"	E-48-82-A
quốc lộ 9	KX	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C; E-48-82-D
núi Động Tri	SV	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 41' 16"	106° 44' 00"					E-48-82-C
thôn Hòa Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 39' 07"	106° 43' 20"					E-48-82-D
thôn Lương Lễ	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 38' 24"	106° 45' 46"					E-48-82-D
thôn Quyết tâm	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 38' 56"	106° 43' 30"					E-48-82-C
sông Rào Quán	TV	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 27"	106° 48' 01"	E-48-82-C; E-48-82-D
Di tích lịch sử sân bay Tà Cơn	KX	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 39' 18"	106° 43' 22"					E-48-82-C
suối Tà Cún	TV	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa			16° 38' 04"	106° 46' 06"	16° 37' 53"	106° 46' 46"	E-48-82-D
thôn Tà Đủ	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 38' 33"	106° 45' 07"					E-48-82-D
Trạm kiểm soát liên ngành Tân Hợp	KX	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 38' 37"	106° 46' 28"					E-48-82-D
thôn Tân Xuyên	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hóa	16° 38' 32"	106° 44' 13"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
Bản Bù	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 37' 24"	106° 41' 13"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Co Rui	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 37' 25"	106° 40' 18"					E-48-82-C
Làng Cồn	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 27"	106° 42' 22"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
đèo Làng Vây	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 06"	106° 40' 29"					E-48-82-C
suối Pa Lăng	TV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa			16° 34' 22"	106° 42' 14"	16° 35' 22"	106° 40' 05"	E-48-82-C
Đồi Ri	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 37' 58"	106° 41' 27"					E-48-82-C
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 44"	106° 42' 02"					E-48-82-C
thôn Tân Tài	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 41"	106° 41' 32"					E-48-82-C
suối Tân Tài	TV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa			16° 37' 02"	106° 41' 48"	16° 36' 11"	106° 40' 22"	E-48-82-C
thôn Tân Thuận	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 30"	106° 41' 34"					E-48-82-C
thôn Tân Trung	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 23"	106° 41' 53"					E-48-82-C
làng Vây 1	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 36' 23"	106° 40' 30"					E-48-82-C
làng Vây 2	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 35' 51"	106° 40' 22"					E-48-82-C
Đồi Xoài	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hóa	16° 35' 55"	106° 41' 39"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
đồi 500	SV	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
thôn C7	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 53"	106° 42' 47"					E-48-82-C
Thôn Cheng	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 36' 24"	106° 42' 45"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đại Thủy	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 48"	106° 42' 56"					E-48-82-C
thôn Duy Hòa	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 08"	106° 42' 58"					E-48-82-C
thôn Hòa Hiệp	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 19"	106° 42' 43"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
Đồi Ri	SV	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 58"	106° 41' 27"					E-48-82-C
suối Sa Ranh	TV	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa			16° 38' 37"	106° 42' 23"	16° 37' 33"	106° 43' 15"	E-48-82-C
thôn Tân Hà	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 17"	106° 42' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Hào	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 24"	106° 42' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Hiệp	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 21"	106° 42' 27"					E-48-82-C
thôn Tân Hòa	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 18"	106° 42' 12"					E-48-82-C
thôn Tân Hữu	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 05"	106° 42' 53"					E-48-82-C
thôn Tân Tiến	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 06"	106° 42' 38"					E-48-82-C
Suối Thành	TV	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa			16° 38' 13"	106° 41' 48"	16° 37' 06"	106° 41' 55"	E-48-82-C
thôn Vân Hòa	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hóa	16° 37' 25"	106° 42' 53"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
đường tỉnh 586	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-82-C
suối Bi Miên	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hóa			16° 38' 33"	106° 39' 26"	16° 36' 03"	106° 38' 43"	E-48-82-C
núi Co Rui	SV	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 37' 25"	106° 40' 18"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đội Hải quan	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 36' 08"	106° 39' 54"					E-48-82-C
cầu La La	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 18"	106° 39' 54"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hóa			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
bản Làng Vây	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 36' 10"	106° 40' 13"					E-48-82-C
đèo Làng Vây	SV	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 36' 06"	106° 40' 29"					E-48-82-C
thôn Long An	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 36' 03"	106° 38' 51"					E-48-82-C
thôn Long Giang	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 54"	106° 38' 32"					E-48-82-C
thôn Long Hợp	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 48"	106° 39' 17"					E-48-82-C
thôn Long Phùng	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 58"	106° 39' 10"					E-48-82-C
thôn Long Quy	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 44"	106° 39' 00"					E-48-82-C
thôn Long Thành	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 22"	106° 39' 40"					E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng Long Thành	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 16"	106° 39' 49"					E-48-82-C
thôn Long Thuận	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 46"	106° 38' 42"					E-48-82-C
thôn Long Yên	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 49"	106° 38' 33"					E-48-82-C
suối Mỹ Yên	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hóa			16° 36' 11"	106° 40' 22"	16° 35' 41"	106° 38' 29"	E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
chợ Tân Long	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 35' 49"	106° 39' 10"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Xi Núc	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 36' 18"	106° 38' 44"					E-48-82-C
xóm Xi Núc 2	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hóa	16° 36' 37"	106° 38' 41"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
suối A Chùm	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa			16° 40' 04"	106° 36' 23"	16° 36' 30"	106° 36' 36"	E-48-82-C
núi A Hai	SV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 40' 48"	106° 36' 48"					E-48-82-C
cầu A Trùm	KX	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 39"	106° 36' 30"					E-48-82-C
thôn An Tiêm	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 17"	106° 37' 35"					E-48-82-C
suối Bi Miên	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa			16° 38' 33"	106° 39' 26"	16° 36' 03"	106° 38' 43"	E-48-82-C
thôn Bích La Đông	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 35' 34"	106° 37' 34"					E-48-82-C
thôn Bích La Trung	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 26"	106° 37' 04"					E-48-82-C
thôn Cổ Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 10"	106° 37' 41"					E-48-82-C
bản Hà Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 45"	106° 36' 48"					E-48-82-C
cầu Khe Đá	KX	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 23"	106° 37' 22"					E-48-82-C
thôn Lệt Cốc	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 37' 32"	106° 37' 13"					E-48-82-C
suối Mỹ Yên	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa			16° 36' 11"	106° 40' 22"	16° 35' 41"	106° 38' 29"	E-48-82-C
thôn Nai Cữu	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 01"	106° 37' 53"					E-48-82-C
thôn Nam Xuân Đức	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 36' 30"	106° 36' 58"					E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Sen	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa			16° 41' 11"	106° 38' 23"	16° 43' 16"	106° 33' 00"	E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Tân Thành	H. Hướng Hóa	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
bản 9	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 30' 39"	106° 39' 27"					E-48-82-C
bản 10	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 30' 14"	106° 40' 00"					E-48-82-C
đường tỉnh 586	KX	xã Thanh	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-82-C E-48-94-A
bản A Ho	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 29' 32"	106° 39' 46"					E-48-94-A
suối Ca Đắp	TV	xã Thanh	H. Hướng Hóa			16° 31' 44"	106° 43' 06"	16° 27' 57"	106° 40' 20"	E-48-94-A
bản Pa Lọ Ô	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 27' 42"	106° 40' 56"					E-48-94-A
bản Pa Lọ Vạc	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 27' 03"	106° 41' 34"					E-48-94-A
bản Pa Loang	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 30' 54"	106° 39' 32"					E-48-82-C
suối Ra Loang	TV	xã Thanh	H. Hướng Hóa			16° 28' 02"	106° 42' 28"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-94-A
sông Sê Pôn	TV	xã Thanh	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C E-48-94-A
suối Ta Nua	TV	xã Thanh	H. Hướng Hóa			16° 30' 56"	106° 40' 39"	16° 30' 18"	106° 39' 53"	E-48-82-C
bản Tà Nua Cô	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 26' 43"	106° 41' 48"					E-48-94-A
bản Thanh 1	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 28' 55"	106° 39' 55"					E-48-94-A
bản Thanh 4	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 28' 35"	106° 40' 32"					E-48-94-A
Thôn Xung	DC	xã Thanh	H. Hướng Hóa	16° 26' 38"	106° 41' 10"					E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 586	KX	xã Thuận	H. Hướng Hóa			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-82-C
Đồn biên phòng 613	KX	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 32' 23"	106° 39' 27"					E-48-82-C
thôn A Úp	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 31' 41"	106° 40' 30"					E-48-82-C
thôn Cồn 1	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 33' 09"	106° 39' 54"					E-48-82-C
Bản Giai	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 32' 13"	106° 39' 21"					E-48-82-C
Suối Giai	TV	xã Thuận	H. Hướng Hóa			16° 34' 44"	106° 44' 40"	16° 32' 32"	106° 38' 48"	E-48-82-C
cầu La La	KX	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 35' 18"	106° 39' 54"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Thuận	H. Hướng Hóa			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
xóm Một Mới	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 35' 04"	106° 40' 03"					E-48-82-C
suối Pa Lăng	TV	xã Thuận	H. Hướng Hóa			16° 34' 22"	106° 42' 14"	16° 35' 22"	106° 40' 05"	E-48-82-C
thôn Pả Xây	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 32' 32"	106° 39' 27"					E-48-82-C
thôn Piếc Húc	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 34' 44"	106° 40' 09"					E-48-82-C
thôn Piếc Lăng	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 34' 00"	106° 40' 13"					E-48-82-C
suối Ra Li	TV	xã Thuận	H. Hướng Hóa			16° 31' 54"	106° 41' 21"	16° 32' 31"	106° 39' 51"	E-48-82-C
thôn Rơ Cong	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 33' 33"	106° 40' 20"					E-48-82-C
thôn Rơ Ly	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 31' 48"	106° 39' 25"					E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	xã Thuận	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
cầu số 2	KX	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 34' 10"	106° 40' 13"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu số 3	KX	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 33' 27"	106° 40' 12"					E-48-82-C
thôn Tà Còi	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 31' 24"	106° 39' 30"					E-48-82-C
Thôn Thuận	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 32' 00"	106° 39' 18"					E-48-82-C
thôn Thuận Hòa	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 31' 31"	106° 39' 31"					E-48-82-C
thôn Thuận Trung 1	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 34' 24"	106° 40' 12"					E-48-82-C
thôn Thuận Trung 2	DC	xã Thuận	H. Hướng Hóa	16° 32' 57"	106° 39' 40"					E-48-82-C
núi A Pói	SV	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 25' 37"	106° 44' 24"					E-48-94-A
núi Co Van	SV	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 27' 02"	106° 44' 53"					E-48-94-A
núi Pò Tân	SV	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 25' 52"	106° 43' 26"					E-48-94-A
thôn Ra Man	DC	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 26' 10"	106° 43' 02"					E-48-94-A
suối Ra Poong	TV	xã Xy	H. Hướng Hóa			16° 25' 58"	106° 45' 15"	16° 25' 32"	106° 44' 47"	E-48-94-A; E-48-94-B
Khe Sại	TV	xã Xy	H. Hướng Hóa			16° 26' 40"	106° 42' 46"	16° 26' 10"	106° 42' 20"	E-48-94-A
sông Sê Pôn	TV	xã Xy	H. Hướng Hóa			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-94-A; E-48-94-B
thôn Si Cơ Reo	DC	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 27' 46"	106° 43' 14"					E-48-94-A
thôn Si La	DC	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 27' 43"	106° 43' 20"					E-48-94-A
thôn Tà Nua	DC	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 26' 21"	106° 43' 24"					E-48-94-A
thôn Troan Nô	DC	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 26' 54"	106° 43' 19"					E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Troan Thượng	DC	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 27' 33"	106° 43' 14"					E-48-94-A
Trạm kiểm soát Biên phòng Xi	KX	xã Xy	H. Hướng Hóa	16° 26' 36"	106° 43' 06"					E-48-94-A
tiểu khu 1	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 45' 52"	107° 10' 03"					E-48-83-A-d
tiểu khu 2	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 11"	107° 09' 53"					E-48-83-A-d
tiểu khu 3	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 25"	107° 09' 35"					E-48-83-A-d
tiểu khu 4	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 37"	107° 09' 15"					E-48-83-A-d
tiểu khu 5	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 41"	107° 10' 47"					E-48-83-A-d
tiểu khu 6	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 45' 57"	107° 09' 35"					E-48-83-A-d
cầu An Mô	KX	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 09' 59"					E-48-83-A-d
đường Lê Duẩn	KX	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
hồ Sắc Tứ	TV	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 15"	107° 09' 30"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
đội 5	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 45"	107° 03' 24"					E-48-83-C
thôn Ái Tử	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 56"	107° 09' 14"					E-48-83-A-d
cầu Ái Tử	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 47' 06"	107° 09' 01"					E-48-83-A-d
sông Ái Tử	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-A-d E-48-83-C
đập Bà Huyện	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 49"	107° 05' 51"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Khe Bạc	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 43' 00"	107° 04' 27"	16° 43' 41"	107° 05' 30"	E-48-83-C
Khe Bùn	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 42' 32"	107° 01' 10"	16° 44' 41"	107° 02' 21"	E-48-83-C
Khe Cát	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 44' 33"	107° 04' 39"	16° 45' 32"	107° 06' 39"	E-48-83-A-d E-48-83-C
xóm Chợ Đê	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 07"	107° 09' 15"					E-48-83-A-d
Đội lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 37"	107° 01' 07"					E-48-83-C
thôn Hà Xá	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 47' 26"	107° 07' 50"					E-48-83-A-c E-48-83-A-d
thôn Kiên Mỹ	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 49"	107° 08' 09"					E-48-83-A-d
thôn Kiến Phước	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 12"	107° 07' 54"					E-48-83-A-c E-48-83-A-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
thôn Liên Phong	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 43"	107° 05' 59"					E-48-83-C
xóm Mụ Thương	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 44' 47"	107° 08' 02"					E-48-83-A-d E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Nại Hiệp	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 45' 06"	107° 08' 33"					E-48-83-A-d E-48-83-C
Khe Su	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 45' 10"	107° 05' 09"	16° 46' 49"	107° 08' 48"	E-48-83-A-c E-48-83-A-d
thôn Tân Phổ	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 12"	107° 08' 30"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
thôn Trạng Sò	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 44' 41"	107° 08' 01"					E-48-83-A-c E-48-83-C
thôn Trung Long	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 42' 51"	107° 04' 23"					E-48-83-C
sông Vĩnh Phước	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c E-48-83-A-d
làng Xuân Khê	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 44' 13"	107° 07' 29"					E-48-83-C
đường huyện 42	KX	xã Triệu An	H. Triệu Phong			16° 53' 04"	107° 11' 51"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-A-b
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu An	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b
thôn An Lợi	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 17"	107° 10' 54"					E-48-83-A-b
Xóm Đò	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 06"	107° 11' 03"					E-48-83-A-d
Xóm Động	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 36"	107° 11' 20"					E-48-83-A-b
thôn Hà Tây	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 57"	107° 12' 10"					E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Xóm Làng	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 53' 09"	107° 10' 58"					E-48-83-A-b
thôn Phó Hội	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 53' 46"	107° 11' 19"					E-48-83-A-b
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu An	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 18"	107° 11' 31"					E-48-83-A-d
thôn Tường Vân	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 53' 04"	107° 11' 05"					E-48-83-A-b
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
cầu Bồ Bản	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 24"	107° 11' 02"					E-48-83-A-d
thôn Đại Hào	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 09"	107° 11' 04"					E-48-83-A-d
cầu Đại Hào	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 48' 57"	107° 10' 56"					E-48-83-A-d
thôn Đại Hòa	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 11"	107° 10' 10"					E-48-83-A-d
thôn Hiền Lương	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 56"	107° 09' 48"					E-48-83-A-d
cầu Mỹ Lộc	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 51"	107° 11' 08"					E-48-83-A-d
kênh N1/13 Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 50' 08"	107° 09' 42"	16° 49' 42"	107° 09' 22"	E-48-83-A-d
thôn Phan Xá	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 27"	107° 08' 42"					E-48-83-A-d
thôn Phú Tài	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 17"	107° 09' 07"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Quảng Điền A	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 51"	107° 10' 28"					E-48-83-A-d
thôn Quảng Điền B	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 03"	107° 10' 39"					E-48-83-A-d
thôn Quảng Lượng	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 24"	107° 10' 47"					E-48-83-A-d
Hói Thuận	TV	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 48' 46"	107° 10' 42"	16° 48' 01"	107° 12' 33"	E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn An Dạ	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 50' 13"	107° 07' 47"					E-48-83-A-d
thôn An Lợi	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 49' 38"	107° 08' 21"					E-48-83-A-d
thôn Đồng Giám	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 49' 49"	107° 08' 08"					E-48-83-A-d
thôn Gia Độ	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 13"	107° 07' 48"					E-48-83-A-d
thôn Giáo Liêm	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 18"	107° 08' 36"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Quy Hà	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 46"	107° 08' 52"					E-48-83-A-d
đầm Quy Hà	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 21"	107° 08' 26"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
thôn Thanh Liêm	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 50' 32"	107° 08' 34"					E-48-83-A-d
thôn Trung Yên	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 49' 36"	107° 08' 05"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đập Việt Yên	KX	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 40"	107° 08' 58"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn Xuân Thành	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 28"	107° 08' 24"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-d
thôn Bích La Đông	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 47' 14"	107° 12' 21"					E-48-83-A-d
thôn Bích La Nam	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 47' 15"	107° 11' 30"					E-48-83-A-d
thôn Bích La Trung	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 47' 30"	107° 11' 54"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Nại Cửu	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 46' 42"	107° 12' 10"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 13"	107° 12' 50"	E-48-83-A-d
Hói Thuận	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 48' 46"	107° 10' 42"	16° 48' 00"	107° 12' 33"	E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
cầu Ái Tử	KX	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 06"	107° 09' 01"					E-48-83-A-d
sông Ái Tử	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-A-d
đường Lê Duẩn	KX	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
thôn Phú Áng	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 31"	107° 08' 26"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phước Mỹ	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 04"	107° 08' 51"					E-48-83-A-d
cầu Phước Mỹ	KX	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 20"	107° 08' 37"					E-48-83-A-d
Khe Su	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 45' 53"	107° 06' 03"	16° 46' 49"	107° 08' 48"	E-48-83-A-d
thôn Tả Kiên	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 12"	107° 09' 16"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
thôn Tiền Kiên	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 58"	107° 09' 30"					E-48-83-A-d
thôn Trà Liên Đông	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 48' 39"	107° 09' 17"					E-48-83-A-d
thôn Trà Liên Tây	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 48' 12"	107° 09' 12"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Phước	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Lộng	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 48' 05"	107° 11' 38"					E-48-83-A-d
thôn Bố Liêu	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 48' 02"	107° 10' 56"					E-48-83-A-d
cầu Đại Hào	KX	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 48' 57"	107° 10' 56"					E-48-83-A-d
thôn Duy Hòa	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 48' 45"	107° 11' 07"					E-48-83-A-d
thôn Hà My	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 47' 30"	107° 11' 11"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hữu Niên A	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 48' 41"	107° 11' 44"					E-48-83-A-d
thôn Hữu Niên B	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 47' 44"	107° 12' 16"					E-48-83-A-d
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 50' 00"	107° 11' 15"					E-48-83-A-d
cầu Mỹ Lộc	KX	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 49' 51"	107° 11' 08"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
Hói Thuận	TV	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong			16° 48' 46"	107° 10' 42"	16° 48' 01"	107° 12' 33"	E-48-83-A-d
thôn Vân Hòa	DC	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong	16° 48' 41"	107° 12' 23"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Hòa	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn 1	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 48' 15"	107° 17' 53"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 2	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 48' 32"	107° 17' 34"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 3	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 48' 56"	107° 17' 01"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 4	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 49' 32"	107° 16' 26"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 5	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 49' 49"	107° 16' 00"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 50' 04"	107° 15' 45"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường huyện 42	KX	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong			16° 53' 04"	107° 11' 51"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Long	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Mô	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 57"	107° 10' 18"					E-48-83-A-d
cầu An Mô	KX	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 09' 59"					E-48-83-A-d
Xóm Bàu	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 29"	107° 09' 49"					E-48-83-A-d
thôn Bích Khê	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 51"	107° 10' 48"					E-48-83-A-d
thôn Bích La Thượng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 55"	107° 09' 53"					E-48-83-A-d
Xóm Bồi	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 30"	107° 09' 45"					E-48-83-A-d
Xóm Cồn	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 18"	107° 09' 51"					E-48-83-A-d
thôn Đại Lộc Hạ	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 08"	107° 09' 49"					E-48-83-A-d
thôn Đại Lộc Thượng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 14"	107° 10' 12"					E-48-83-A-d
Xóm Đùng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 33"	107° 10' 13"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Xóm Hói	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 31"	107° 10' 00"					E-48-83-A-d
Xóm Kiệt	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 57"	107° 09' 55"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Long	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Phù Lưu	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 25"	107° 10' 31"					E-48-83-A-d
thôn Phương Ngạn	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 01"	107° 10' 17"					E-48-83-A-d
thôn Rào Hạ	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 36"	107° 09' 43"					E-48-83-A-d
thôn Rào Thượng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 24"	107° 09' 32"					E-48-83-A-d
thôn Tân Định	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 41"	107° 10' 20"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Long	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
Xóm Triêu	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 19"	107° 10' 33"					E-48-83-A-d
thôn Vệ Nghĩa	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 43"	107° 10' 43"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Cư	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 52"	107° 09' 44"					E-48-83-A-d
chùa An Cư	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 57"	107° 09' 32"					E-48-83-A-d
thôn An Cư Phường	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 25"	107° 09' 04"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn An Lợi	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 22"	107° 10' 55"					E-48-83-A-d
cầu Bồ Bản	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 50' 24"	107° 11' 02"					E-48-83-A-d
thôn Cao Hy	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 25"	107° 10' 12"					E-48-83-A-d
hói Cây Mưng	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 51' 45"	107° 11' 11"	16° 48' 01"	107° 13' 18"	E-48-83-A-d
thôn Dương Xuân	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 52' 12"	107° 09' 36"					E-48-83-A-d
thôn Duy Phiên	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 52' 26"	107° 09' 36"					E-48-83-A-d
đập Duy Phiên	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	15° 52' 55"	107° 10' 14"					E-48-83-A-d
thôn Hà La	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 52' 12"	107° 09' 52"					E-48-83-A-d
thôn Hà Lộc	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 50"	107° 11' 16"					E-48-83-A-d
thôn Lưỡng Kim	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 39"	107° 10' 41"					E-48-83-A-d
kênh N3	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 51' 00"	107° 09' 41"	E-48-83-A-b E-48-83-B-c;
thôn Nhu Lý	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16 50 46	107 10 03					E-48-83-A-d
thôn Phước Lễ	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 50' 31"	107° 09' 58"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn Việt Yên	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 04"	107° 09' 27"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đập Việt Yên	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 40"	108° 08' 58"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 50' 58"	107° 10' 41"					E-48-83-A-d
thôn An Lưu	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 52"	107° 14' 29"					E-48-83-A-d
thôn An Phú	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 46"	107° 14' 44"					E-48-83-A-d
hói Cây Mưng	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 51' 45"	107° 11' 11"	16° 48' 01"	107° 13' 18"	E-48-83-A-d
thôn Đồng Bào	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 46' 58"	107° 14' 46"					E-48-83-A-d
thôn Linh Chiểu	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 01"	107° 15' 43"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
kênh N3	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 51' 00"	107° 09' 41"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-b E-48-83-C-b
thôn Phường Đạo Đầu	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 37"	107° 14' 31"					E-48-83-A-d
thôn Phương Sơn	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 48' 10"	107° 14' 04"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 14"	107° 12' 49"	E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thượng Trạch	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 37"	107° 14' 54"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Văn Phong	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 02"	107° 15' 09"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 581	KX	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d
thôn An Hưng	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 47' 50"	107° 12' 56"					E-48-83-A-d
thôn An Trú	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 41"	107° 13' 24"					E-48-83-A-d
thôn Anh Tuấn	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 37"	107° 12' 36"					E-48-83-A-d
thôn Bích Hậu	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 46"	107° 12' 53"					E-48-83-A-d
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-d E-48-83-C-b
thôn Phú Liêu	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 48' 01"	107° 12' 55"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 14"	107° 12' 49"	E-48-83-A-d
thôn Tả Hữu	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 06"	107° 12' 30"					E-48-83-A-d
thôn Tài Lương	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 47' 33"	107° 13' 32"					E-48-83-A-d
thôn Thâm Triều	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 16"	107° 13' 10"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn An Tiêm	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 06"	107° 11' 44"					E-48-83-A-d
cầu An Tiêm	KX	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 03"	107° 11' 28"					E-48-83-A-d
thôn Cổ Thành	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 45' 38"	107° 11' 09"					E-48-83-A-d
thôn Hậu Kiên	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 18"	107° 11' 18"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Tân Đức	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 06"	107° 11' 14"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
kênh N1/13 Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong			16° 50' 08"	107° 09' 42"	16° 49' 42"	107° 09' 22"	E-48-83-A-d
khu dân cư số 1	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 54"	107° 10' 04"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 2	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 35"	107° 10' 10"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 3	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 49' 02"	107° 09' 24"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 4	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 39"	107° 09' 03"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 5	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 34"	107° 08' 43"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu dân cư số 6	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 53"	107° 08' 40"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 7	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 49' 24"	107° 08' 57"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 8	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 49' 34"	107° 08' 39"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
sông Ái Tử	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-C E-48-83-A-d
Khe Bùn	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 42' 32"	107° 01' 10"	16° 44' 41"	107° 02' 21"	E-48-83-C
Khe Chuối	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 40' 48"	107° 05' 18"	16° 41' 58"	107° 06' 00"	E-48-83-C
hồ Khe Chuối	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 48"	107° 06' 59"					E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
khe Lèo Mèo	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 00"	107° 06' 37"					E-48-83-C
chùa Long An	KX	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 45' 55"	107° 10' 57"					E-48-83-A-d
thôn Nhan Biều 1	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 45' 48"	107° 10' 38"					E-48-83-A-d
thôn Nhan Biều 2	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 44' 49"	107° 10' 25"					E-48-83-A-d E-48-83-C
thôn Nhan Biều 3	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 44' 09"	107° 10' 02"					E-48-83-C
thôn Tả Hữu	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 46' 10"	107° 10' 28"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Xuân	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 45"	107° 07' 16"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Thượng Phước	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 42' 56"	107° 09' 39"					E-48-83-C
Thôn Trấm	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 04"	107° 06' 47"					E-48-83-C
xóm Trấm Hạ	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 24"	107° 06' 45"					E-48-83-C
xóm Trấm Thượng	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 40' 52"	107° 06' 55"					E-48-83-C
hồ Triệu Thượng 1	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 43' 23"	107° 08' 53"					E-48-83-C
hồ Triệu Thượng 2	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 44' 40"	107° 09' 11"					E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Trung Kiên	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 46' 23"	107° 10' 42"					E-48-83-A-d
Bàu Vịt	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 45' 22"	107° 10' 32"	16° 44' 10"	107° 10' 24"	E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Xuân An	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 46' 10"	107° 10' 58"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Trạch	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 50' 27"	107° 12' 21"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Bồ Bản	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 50' 21"	107° 11' 17"					E-48-83-A-d
hói Cây Mưng	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 51' 45"	107° 11' 11"	16° 48' 01"	107° 13' 18"	E-48-83-A-d
Xóm Dài	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 55"	107° 12' 12"					E-48-83-A-d
Xóm Đồng	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 31"	107° 12' 33"					E-48-83-A-d
Xóm Giữa	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 36"	107° 12' 18"					E-48-83-A-d
thôn Lệ Xuyên	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 50' 48"	107° 11' 33"					E-48-83-A-d
cầu Lệ Xuyên	KX	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 51' 19"	107° 11' 49"					E-48-83-A-d
thôn Linh An	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 48' 48"	107° 13' 29"					E-48-83-A-d
thôn Long Quang	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 43"	107° 12' 44"					E-48-83-A-d
Xóm Mô	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 43"	107° 12' 01"					E-48-83-A-d
kênh N3	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 51' 00"	107° 09' 41"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 14"	107° 12' 49"	E-48-83-A-d
thôn Vân Tường	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 48"	107° 12' 00"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 581	KX	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Đạo Đầu	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 13' 56"					E-48-83-A-d
thôn Mỹ Khê	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 29"	107° 15' 02"					E-48-83-A-d
kênh N4B	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 46' 32"	107° 13' 28"	16° 46' 06"	107° 14' 55"	E-48-83-A-d
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Ngô Xá Đông	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 00"	107° 13' 40"					E-48-83-A-d
thôn Ngô Xá Tây	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 45' 58"	107° 13' 43"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 48' 00"	107° 12' 40"	16° 46' 10"	107° 12' 50"	E-48-83-A-d
thôn Tam Hữu	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 24"	107° 15' 28"					E-48-83-A-d
thôn Thanh Lê	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 22"	107° 13' 34"					E-48-83-A-d
thôn Trung An	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 50"	107° 14' 03"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c;
thôn Xuân Dương	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 45' 58"	107° 14' 46"					E-48-83-A-d E-48-83-B-c;

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 7	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 50' 46"	107° 14' 49"					E-48-83-A-d
thôn 8	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 51' 26"	107° 13' 58"					E-48-83-A-d
thôn 9	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 51' 56"	107° 13' 12"					E-48-83-A-d
đường huyện 42	KX	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong			16° 53' 04"	107° 11' 51"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn Sinh Thái	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 52' 21"	107° 12' 47"					E-48-70-D-d
khóm 2	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 32"	106° 53' 46"					E-48-70-D-d
thôn 3	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 10"	106° 52' 29"					E-48-70-D-c
thôn 4	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 00' 36"	106° 53' 11"					E-48-70-D-d
thôn 5	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 11"	106° 54' 48"					E-48-82-B
khóm 7	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 30"	106° 52' 56"					E-48-70-D-d
thôn 8	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 52' 21"					E-48-70-D-d
thôn 9	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 53' 47"					E-48-70-D-d
khóm 11	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 08"	106° 54' 13"					E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khóm 24	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 15"	106° 53' 26"					E-48-70-D-d
đường tỉnh 571	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-70-D-d
cầu Bến Quan	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 06"	106° 54' 26"					E-48-70-D-d
khóm Chế Biến	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 12"	106° 53' 07"					E-48-70-D-d
Ngã Tư Đất	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 21"	106° 54' 00"					E-48-70-D-d
cầu Hạnh Phúc	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 15"	106° 53' 50"					E-48-70-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-70-D-d
khóm Khe Cáy	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 46"	106° 54' 41"					E-48-70-D-d
cầu Khe Cáy	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 54' 48"					E-48-70-D-d
suối Khe Cáy	TV	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			17° 01' 56"	106° 53' 21"	17° 02' 03"	106° 54' 53"	E-48-70-D-d
khóm Ngã Tư	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 25"	106° 54' 03"					E-48-70-D-d
sông Sa Lung	TV	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-c
hồ Thôn 4	TV	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 00' 26"	106° 53' 30"					E-48-70-D-d
đường tỉnh 572	KX	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
khu phố An Đức 1	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 00' 55"	107° 06' 05"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu phố An Đức 2	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 02"	107° 06' 03"					E-48-71-C-c
khu phố An Đức 3	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 07"	107° 05' 57"					E-48-71-C-c
khu phố An Hòa 1	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 14"	107° 06' 21"					E-48-71-C-c
khu phố An Hòa 2	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 17"	107° 06' 05"					E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c
mũi Đá Mụ Tạo	SV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 06"	107° 06' 36"					E-48-71-C-c
Cầu Đúc	KX	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 09"	107° 06' 21"					E-48-71-C-c
khu phố Hòa Lý	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 31"	107° 06' 20"					E-48-71-C-c
mũi Mũi Hàu	SV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 37"	107° 06' 39"					E-48-71-C-c
khu phố Quang Hải	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 44"	107° 24' 25"					E-48-71-C-c
Mũi Si	SV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 43"	107° 06' 50"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Bắc	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 51"	107° 06' 20"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Bàn	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 40"	107° 06' 26"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Nam	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 15"	107° 06' 15"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Trung	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 43"	107° 06' 19"					E-48-71-C-c
Cửa Tùng	TV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 00' 59"	107° 06' 37"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
khóm 1	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 42"	107° 01' 04"					E-48-71-C-c
khóm 2	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 00"	107° 01' 07"					E-48-71-C-c
khóm 3	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 19"	107° 01' 00"					E-48-71-C-c
khóm 4	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 06"	107° 00' 49"					E-48-71-C-c
khóm 5	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 54"	107° 00' 39"					E-48-71-C-c
khóm 6	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 08"	107° 00' 32"					E-48-71-C-c
khóm 7	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 31"	107° 00' 19"					E-48-71-C-c
khóm 8	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 40"	107° 00' 02"					E-48-71-C-c
khóm 9	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 50"	107° 01' 07"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
cầu Châu Thị	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 29"	107° 01' 28"					E-48-71-C-c
khóm Chợ Huyện	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 35"	107° 01' 19"					E-48-71-C-c
cầu Chợ Mai	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 23"	107° 01' 01"					E-48-71-C-c
khóm Đoàn Kết	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 28"	106° 59' 56"					E-48-71-C-c
Bàu Đưng	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 15"	107° 00' 45"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Gia Đẳng	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 59"	107° 01' 22"					E-48-71-C-c
khóm Hải Bình	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 22"	17° 01' 14"					E-48-71-C-c
khóm Hải Hòa	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 16"	107° 01' 12"					E-48-71-C-c
khóm Hải Nghĩa	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 11"	107° 01' 43"					E-48-71-C-c
khóm Hải Phúc	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 27"	107° 01' 31"					E-48-71-C-c
khóm Hải Tình	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 18"	107° 01' 47"					E-48-71-C-c
sông Hồ Xá	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 03' 16"	107° 01' 05"	17° 02' 19"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khóm Hữu Nghị	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 12"	107° 00' 01"					E-48-71-C-c
khóm Lao Động	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 37"	107° 00' 57"					E-48-71-C-c
khóm Nam Hải	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 10"	107° 01' 13"					E-48-71-C-c
khóm Phú Thị	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 26"	107° 00' 39"					E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
Khe Su	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 03' 55"	107° 02' 51"	17° 02' 57"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khóm Thắng Lợi	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 32"	107° 00' 04"					E-48-71-C-c
khóm Thành Công	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 12"	107° 00' 21"					E-48-71-C-c
khóm Thống Nhất	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 21"	107° 00' 29"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khóm Vĩnh Bắc	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 45"	106° 59' 52"					E-48-71-C-c
khóm Vinh Quang	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 24"	107° 00' 16"					E-48-71-C-c
khóm Vĩnh Tiến	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 46"	107° 01' 27"					E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-70-D-d
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-70-D-d
thôn Bắc Phú	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 51"	106° 58' 11"					E-48-70-D-d
cầu Bắc Phú	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 13"	106° 57' 59"					E-48-70-D-d
hồ Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	106° 55' 13"					E-48-70-D-d
thôn Bình An	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 52"	106° 57' 25"					E-48-70-D-d
thôn Chấp Bắc	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 07' 25"	106° 57' 50"					E-48-70-D-d
thôn Chấp Đông	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 42"	106° 58' 34"					E-48-70-D-d
cầu Chấp Lễ	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 45"	106° 57' 58"					E-48-70-D-d
thôn Chấp Nam	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 35"	106° 58' 11"					E-48-70-D-d
Di tích Cơ sở Xứ ủy Trung Kỳ	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 13"	106° 55' 58"					E-48-70-D-d
Đập Hà	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 06"	106° 55' 47"					E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Hồ Xá	TV	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh			17° 04' 46"	106° 58' 17"	17° 02' 16"	107° 01' 12"	E-48-71-C-c
Cầu Kênh	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 37"	106° 56' 50"					E-48-70-D-d
Cầu Khay	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 07' 33"	106° 57' 38"					E-48-70-D-d
hồ Khe Cáy	TV	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 39"	106° 58' 19"					E-48-70-D-d
khóm Khe Lấu	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 07' 43"	107° 56' 28"					E-48-70-D-d
thôn Lai Bình	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 15"	106° 57' 32"					E-48-70-D-d
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 04' 23"	106° 57' 55"					E-48-70-D-d
khóm Sa Lung	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 32"	106° 58' 58"					E-48-70-D-d
thôn Tân Bình	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 37"	106° 58' 00"					E-48-70-D-d
thôn Tân Định	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 21"	106° 56' 13"					E-48-70-D-d
thôn Tây Sơn	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 07"	106° 57' 26"					E-48-70-D-d
thôn Tây Trường	DC	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 08"	106° 58' 40"					E-48-70-D-d
Cầu Trạm	KX	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 35"	106° 57' 37"					E-48-70-D-d
khe Trầm Kỳ	TV	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh			17° 06' 33"	106° 55' 30"	17° 04' 46"	106° 58' 17"	E-48-70-D-d
hồ Trằm Trưỡi	TV	xã Vĩnh Chấp	H. Vĩnh Linh	17° 04' 46"	106° 56' 53"					E-48-70-D-d
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c
Hói Chùa	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 40"	107° 04' 18"					E-48-71-C-c
thôn Cổ Mỹ	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 21"	107° 05' 03"					E-48-71-C-c
thôn Di Loan	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 44"	107° 05' 31"					E-48-71-C-c
thôn Tân An	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 01' 03"	107° 05' 32"					E-48-71-C-c
thôn Tân Mỹ	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 24"	107° 04' 43"					E-48-71-C-c
thôn Tân Trại 1	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 56"	107° 04' 29"					E-48-71-C-c
thôn Tân Trại 2	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 42"	107° 04' 39"					E-48-71-C-c
mương Thanh Niên	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 02' 57"	17° 00' 52"	107° 04' 02"	E-48-71-C-c
thôn Tùng Luật	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 07"	107° 05' 33"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-82-B
bản Ba Buôi	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 01' 13"	106° 52' 28"					E-48-70-D-c
thôn Bãi Hà	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 49"	106° 52' 22"					E-48-82-B
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Khe Ó	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 32"	106° 51' 32"					E-48-82-B
bản Khe Tiên	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 51"	106° 51' 57"					E-48-70-D-c
bản Khe Trù	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 24"	106° 51' 51"					E-48-82-B
hồ La Ngà	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 01' 23"	106° 56' 46"					E-48-70-D-d
khe Lai Hai	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 00' 56"	106° 54' 17"	17° 00' 56"	106° 54' 17"	E-48-82-B
bản Lâm trường	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 59"	106° 52' 06"					E-48-82-B
Bản Mới	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	16° 58' 39"	106° 52' 03"					E-48-82-B
Khe Nà	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 54' 27"	106° 49' 26"	16° 54' 03"	106° 49' 41"	E-48-82-B
hồ Quyết Thắng	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 45"	106° 54' 45"					E-48-70-D-d
suối Rào Quang	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 55' 59"	106° 46' 59"	16° 58' 27"	106° 49' 38"	E-48-82-B
thôn Rào Trường	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	16° 59' 07"	106° 55' 17"					E-48-82-B
khe Rào Trường	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 57' 43"	106° 54' 48"	16° 59' 54"	106° 55' 51"	E-48-82-B
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-c
bản Thủ Công	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 01' 09"	106° 52' 21"					E-48-82-B
Khe Tiên	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 01' 02"	106° 50' 57"	17° 01' 03"	106° 52' 24"	E-48-70-D-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Nông trường	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 56"	107° 04' 16"					E-48-71-C-c
rừng Rú Lịnh	SV	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 38"	107° 04' 13"					E-48-71-C-c
khe Rú Lịnh	TV	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh			17° 03' 20"	107° 03' 52"	17° 01' 49"	107° 03' 14"	E-48-71-C-c
thôn Tân An	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 15"	107° 04' 27"					E-48-71-C-c
thôn Tân Bình	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 43"	107° 04' 00"					E-48-71-C-c
thôn Tân Đức	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 24"	107° 04' 00"					E-48-71-C-c
thôn Tân Hòa	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 52"	107° 03' 47"					E-48-71-C-c
thôn Tân Ninh	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	107° 04' 25"					E-48-71-C-c
thôn Tân Phúc	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 21"	107° 03' 50"					E-48-71-C-c
thôn Thái Mỹ	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 11"	107° 04' 55"					E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-71-C-c
thôn Đơn Duệ	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh	17° 02' 37"	107° 01' 56"					E-48-71-C-c
thôn Hiền Dũng	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh	17° 03' 47"	107° 03' 22"					E-48-71-C-c
thôn Hòa Bình	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh	17° 03' 06"	107° 03' 01"					E-48-71-C-c
thôn Linh Đơn	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh	17° 02' 24"	107° 02' 32"					E-48-71-C-c
rừng Rú Lịnh	SV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh	17° 03' 38"	107° 04' 13"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khe Rú Lịnh	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 03' 20"	107° 03' 52"	17° 01' 49"	107° 03' 14"	E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
Khe Su	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 03' 55"	107° 02' 51"	17° 02' 57"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khe Troong Cát	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-c
hồ Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	106° 55' 13"					E-48-70-D-d
thôn Bến Mưng	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 02' 19"	106° 52' 40"					E-48-70-D-d
thôn Đá Moọc	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 04' 34"	106° 51' 43"					E-48-70-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-70-D-d
thôn Khe Cát	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 04' 27"	106° 51' 56"					E-48-70-D-c
suối Khe Cáy	TV	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh			17° 01' 56"	106° 53' 21"	17° 02' 03"	106° 54' 53"	E-48-70-D-d
thôn Khe Lương	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 02' 19"	106° 52' 14"					E-48-70-D-d
thôn Khe Trằm	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 04' 16"	106° 51' 30"					E-48-70-D-c
thôn Xung Phong	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 03' 07"	106° 54' 14"					E-48-70-D-d
Xóm Bàu	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 48"	107° 04' 42"					E-48-71-C-c
Thôn Đông	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 14"	107° 06' 00"					E-48-71-C-c
đồi Động Đỏ	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 06' 17"	107° 04' 39"					E-48-71-C-c
khe Giếng Voi	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh			17° 04' 24"	107° 04' 05"	17° 06' 36"	107° 04' 17"	E-48-71-C-c
khe Giếng Vọt	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh			17° 05' 26"	107° 06' 05"	17° 04' 28"	107° 06' 12"	E-48-71-C-c
thôn Hương Bắc	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 59"	107° 05' 01"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hương Nam	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 27"	107° 04' 53"					E-48-71-C-c
xóm Nô Ổng	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 40"	107° 04' 43"					E-48-71-C-c
đường Quốc Phòng	KX	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh			17° 03' 46"	107° 03' 14"	17° 06' 12"	107° 03' 22"	E-48-71-C-c
Mũi Rồng	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 06' 04"	107° 05' 37"					E-48-71-C-c
Xóm Roọc	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 53"	107° 04' 55"					E-48-71-C-c
Bàu Săng	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 51"	107° 05' 22"					E-48-71-C-c
Xóm Sẽ	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 06"	107° 05' 09"					E-48-71-C-c
Thôn Tây	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 23"	107° 05' 32"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Bắc	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 54"	107° 05' 52"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Nam	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 22"	107° 05' 27"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Trung	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 37"	107° 06' 05"					E-48-71-C-c
Xóm Xuân	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 43"	107° 04' 58"					E-48-71-C-c
bàu Bàu Mùi	TV	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 41"	107° 00' 41"					E-48-71-C-c
sông Bến Tám	TV	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 00' 29"	17° 00' 52"	107° 02' 36"	E-48-71-C-c
thôn Đặng Xá	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 02' 25"	107° 00' 54"					E-48-71-C-c
thôn Duy Viên	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 02' 27"	107° 00' 22"					E-48-71-C-c
thôn Lâm Cao	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 02' 05"	107° 01' 07"					E-48-71-C-c
thôn Mỹ Điền	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 00' 47"	107° 01' 16"					E-48-71-C-c
thôn Quảng Xá	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 45"	107° 01' 36"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
thôn Tiên Lai	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 23"	107° 00' 55"					E-48-71-C-c
cầu Tiên Lai	KX	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 09"	107° 00' 45"					E-48-71-C-c
thôn Tiên Mỹ 1	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	16° 59' 50"	107° 00' 33"					E-48-71-C-c
thôn Tiên Mỹ 2	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 00' 13"	107° 00' 16"					E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-71-C-c
cầu Bảo Đài	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 30"	106° 57' 34"					E-48-70-D-d
hồ Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	106° 55' 13"					E-48-70-D-d
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-70-D-d
thôn Cầu Điện	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 46"	106° 58' 45"					E-48-70-D-d
thôn Cây Sy	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 12"	106° 58' 20"					E-48-71-C-c
Cầu Điện	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 29"	106° 58' 30"					E-48-70-D-d
thôn Gia Lâm	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 44"	107° 00' 49"					E-48-71-C-c
sông Hồ Xá	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 03' 16"	107° 01' 05"	17° 02' 19"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
thôn Hòa Lộ	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 30"	106° 59' 44"					E-48-71-C-c
thôn Hòa Nam	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 37"	106° 58' 56"					E-48-71-C-c
cầu Khe Cáy	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 54' 48"					E-48-70-D-d
suối Khe Cáy	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 01' 56"	106° 53' 21"	17° 02' 03"	106° 54' 53"	E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Nhà Tài	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 35"	106° 59' 10"					E-48-70-D-d
thôn Phúc Lâm	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 49"	107° 00' 08"					E-48-71-C-c
thôn Quảng Xá	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 29"	106° 56' 38"					E-48-70-D-d
thôn Sa Bắc	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 20"	106° 58' 54"					E-48-70-D-d
cầu Sa Lung	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 23"	106° 58' 08"					E-48-70-D-d
ga Sa Lung	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 35"	106° 57' 44"					E-48-70-D-d
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-d
thôn Sa Nam	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 51"	106° 59' 09"					E-48-70-D-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 37"	106° 58' 05"					E-48-71-C-c
thôn Trà Triện	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 41"	106° 59' 35"					E-48-71-C-c
thôn Trung Lập	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 02"	106° 58' 42"					E-48-71-C-c
thôn Xóm Mội	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 20"	106° 59' 41"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
thôn Nam Cường	DC	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 04' 16"	107° 02' 21"					E-48-71-C-c
thôn Nam Hùng	DC	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 05' 00"	107° 02' 09"					E-48-71-C-c
thôn Nam Phú	DC	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 04' 33"	107° 01' 36"					E-48-71-C-c
đồi Rờm Trai	SV	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 04' 26"	107° 02' 40"					E-48-71-C-c
Khe Su	TV	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh			17° 03' 55"	107° 02' 51"	17° 02' 57"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khe Troong Cát	TV	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-82-B
Núi Cam	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 54' 23"	106° 48' 19"					E-48-82-B
bản Cây Tăm	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 54"	106° 48' 51"					E-48-82-B
núi Đồng Chặt	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 56' 13"	106° 49' 56"					E-48-82-B
núi Đồng Nóc	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 55' 31"	106° 48' 17"					E-48-82-B
núi Đôông Châu	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 56' 32"	106° 42' 02"					E-48-82-A
suối La Va	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 55' 08"	106° 42' 34"	16° 54' 04"	106° 42' 23"	E-48-82-A
Bản Lền	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 47"	106° 46' 48"					E-48-82-B
khe Ma Si	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 29"	106° 47' 30"	16° 53' 43"	106° 47' 46"	E-48-82-B
Bản Mích	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 54' 09"	106° 42' 36"					E-48-82-A
xóm Mới 1	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 38"	106° 47' 35"					E-48-82-B
xóm Mới 2	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 37"	106° 47' 15"					E-48-82-B
Khe Nài	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 27"	106° 49' 26"	16° 54' 03"	106° 49' 40"	E-48-82-B
Khe Pia	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 31"	106° 48' 29"	16° 54' 00"	106° 49' 14"	E-48-82-B
suối Rào Quang	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 56' 40"	106° 47' 26"	16° 58' 27"	106° 49' 38"	E-48-82-B
Rào Thanh	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 03"	106° 44' 40"	16° 54' 17"	106° 52' 51"	E-48-82-B
Thôn Thúc	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 52"	106° 48' 01"					E-48-82-B
bản Xà Lơi	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 55"	106° 45' 60"					E-48-82-B
bản Xà Ninh	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 56"	106° 44' 02"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đồi 15	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 42"	106° 59' 28"					E-48-82-B
đồi 17	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 56' 58"	106° 58' 55"					E-48-82-B
đồi 27	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 16"	106° 59' 25"					E-48-82-B
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
sông Bến Tám	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 00' 29"	17° 00' 52"	107° 02' 36"	E-48-71-C-c
thôn Dục Đức	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 00"	106° 59' 50"					E-48-82-B
hồ Dục Đức	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 48"	106° 59' 24"					E-48-82-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-82-B
thôn Huỳnh Xá Hạ	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 45"	107° 02' 45"					E-48-83-A-a
thôn Huỳnh Xá Thượng	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 42"	107° 02' 07"					E-48-83-A-a
thôn Lê Xá	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 31"	107° 01' 02"					E-48-83-A-a
thôn Nam Sơn	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 50"	107° 01' 18"					E-48-83-A-a
thôn Phan Hiền	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 51"	107° 01' 56"					E-48-83-A-a
khe Rào Trường	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			16° 57' 43"	106° 54' 48"	16° 59' 54"	106° 55' 51"	E-48-82-B
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
thôn Tây Sơn	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 36"	106° 58' 28"					E-48-82-B
thôn Tiên An	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 32"	107° 02' 02"					E-48-83-A-a
ga Tiên An	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 44"	107° 01' 49"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn An Du Đông 1	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 05"	107° 05' 00"					E-48-71-C-c
thôn An Du Đông 2	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 04"	107° 05' 13"					E-48-71-C-c
thôn An Du Nam 1	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 33"	107° 04' 46"					E-48-71-C-c
thôn An Du Nam 2	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 25"	107° 04' 58"					E-48-71-C-c
thôn An Du Nam 3	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 05' 07"	107° 05' 07"					E-48-71-C-c
Thôn Cát	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 45"	107° 05' 34"					E-48-71-C-c
Chợ Do	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 07"	107° 05' 27"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
thôn An Cổ	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 56"	107° 05' 57"					E-48-71-C-c
thôn An Đông	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 50"	107° 06' 09"					E-48-71-C-c
thôn An Lễ	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 02' 38"	107° 05' 41"					E-48-71-C-c
Mũi Bang	TV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 36"	107° 06' 54"					E-48-71-C-c
thôn Bược	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 29"	107° 05' 53"					E-48-71-C-c
thôn Động Sỏi	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 02' 59"	107° 05' 09"					E-48-71-C-c
thôn Hắc Hiền	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 02' 06"	107° 05' 04"					E-48-71-C-c
thôn Khe Ba	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 55"	107° 05' 25"					E-48-71-C-c
Mũi Lay	SV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 05' 07"	107° 06' 52"					E-48-71-C-c
mũi Lò Vôi	SV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 32"	107° 06' 46"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Sơn Hạ	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 46"	107° 06' 24"					E-48-71-C-c
thôn Sơn Thượng	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 57"	107° 06' 12"					E-48-71-C-c
thôn Vịnh Móc	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 52"	107° 06' 36"					E-48-71-C-c
địa đạo Vịnh Mốc	SV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 32"	107° 06' 40"					E-48-71-C-c
thôn Đông Luật	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 07' 11"	107° 03' 09"					E-48-71-C-c
khe Giếng Voi	SV	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh			17° 04' 24"	107° 04' 05"	17° 06' 36"	107° 04' 17"	E-48-71-C-c
thôn Mạch Nước	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 09' 22"	107° 00' 00"					E-48-71-C-a
thôn Tân Hòa	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 06' 48"	107° 03' 49"					E-48-71-C-c
thôn Tân Mạch	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 08' 18"	107° 01' 27"					E-48-71-C-a
thôn Tân Thuận	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 06' 25"	107° 04' 30"					E-48-71-C-c
thôn Thái Lai	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 08' 56"	107° 00' 35"					E-48-71-C-a
thôn Thử Luật	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 07' 28"	107° 02' 12"					E-48-71-C-a
khe Troong Cát	SV	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-a
khe Troong Đình	SV	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh			17° 07' 06"	107° 01' 04"	17° 07' 36"	107° 02' 48"	E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
thôn Hiền Lương	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 00' 28"	107° 02' 45"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Hiền Lương	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 00' 18"	107° 02' 58"					E-48-71-C-c
thôn Liêm Công Đông	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 02' 03"	107° 03' 51"					E-48-71-C-c
thôn Liêm Công Phường	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 01' 56"	107° 03' 08"					E-48-71-C-c
thôn Liêm Công Tây	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 01' 57"	107° 03' 22"					E-48-71-C-c
khe Rú Lịnh	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 03' 20"	107° 03' 52"	17° 01' 49"	107° 03' 14"	E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
thôn Tân Trại Thượng	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 01' 41"	107° 04' 23"					E-48-71-C-c
mương Thanh Niên	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 02' 57"	17° 00' 52"	107° 04' 02"	E-48-71-C-c
thôn 26/3	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 01' 02"	106° 58' 25"					E-48-70-D-d
Suối Đao	TV	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh			16° 59' 38"	106° 57' 24"	17° 00' 45"	106° 58' 42"	E-48-70-D-d
thôn Đức Xá	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 02' 31"	106° 59' 16"					E-48-70-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-70-D-d
thôn Kinh Tế Mới	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 00' 19"	106° 57' 16"					E-48-70-D-d
hồ La Ngà	TV	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 01' 23"	106° 56' 46"					E-48-70-D-d
thôn Linh Hải	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 02' 48"	106° 57' 37"					E-48-70-D-d
khe Rào Trường	TV	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh			16° 57' 43"	106° 54' 48"	16° 59' 55"	106° 55' 52"	E-48-82-B
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-d
thôn Thủy Ba Đông	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 02' 00"	106° 59' 16"					E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thủy Ba Hạ	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 00' 25"	106° 59' 50"					E-48-70-D-d
thôn Thủy Ba Tây	DC	xã Vĩnh Thủy	H. Vĩnh Linh	17° 01' 13"	106° 59' 07"					E-48-70-D-d
đồi Ba Cao	SV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 06' 25"	107° 03' 02"					E-48-71-C-c
Nông trường Bến Hải	KX	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 04' 41"	107° 03' 21"					E-48-71-C-c
xóm Cồn Vải	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 06' 06"	107° 03' 45"					E-48-71-C-c
khe Giếng Voi	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh			17° 04' 24"	107° 04' 05"	17° 06' 36"	107° 04' 17"	E-48-71-C-c
thôn Huỳnh Công Đông	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 45"	107° 02' 09"					E-48-71-C-c
thôn Mỹ Hội	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 55"	107° 04' 06"					E-48-71-C-c
bàu Nhà Trọn	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 18"	107° 02' 25"					E-48-71-C-c
Bàu Sen	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 51"	107° 02' 54"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Trung	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 30"	107° 03' 20"					E-48-71-C-c
khe Troong Cát	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-70-D-d
thôn Đông Trường	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 15"	106° 59' 27"					E-48-70-D-d
thôn Hạ Kè	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 05' 36"	106° 59' 12"					E-48-70-D-d
thôn Mỹ Duyệt	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 07' 20"	106° 59' 43"					E-48-70-D-d
Bàu Sậm	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 09' 04"	106° 59' 24"					E-48-70-B-d; E-48-70-D-b
thôn Tây 1	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 05' 54"	107° 01' 25"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tây 2	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 08"	107° 01' 11"					E-48-71-C-c
thôn Tây 3	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 23"	107° 01' 02"					E-48-70-D-d
thôn Thủy Tú 1	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 50"	107° 00' 34"					E-48-70-D-d
thôn Thủy Tú 2	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 59"	107° 00' 20"					E-48-70-D-d
thôn Thủy Tú Phường	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 07' 07"	107° 00' 09"					E-48-71-C-c
bàu Thủy Ứ	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 54"	107° 00' 52"					E-48-71-C-c
Bàu Trạng	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 07' 49"	107° 00' 42"					E-48-71-C-a
khe Troong Đình	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh			17° 07' 06"	107° 01' 04"	17° 07' 36"	107° 02' 48"	E-48-71-C-c
thôn Từ Chính	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 05' 08"	106° 59' 33"					E-48-70-D-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng